

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là trồng và kinh doanh trái cây, cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên	
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bảo Sơn.

Ông Nguyễn Hoàng Phi được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 01/2023/GUQ-TGD HAGL Agrico ngày 1 tháng 1 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 12827243/22989163-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 57, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 3.576.449.702 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Và cũng tại ngày này, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 7.003.497.410 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 4.288.590.226 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1



Nguyễn Minh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5559-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.039.104.581	2.848.620.947
110	I. Tiền	5	27.802.937	29.941.540
111	1. Tiền		27.802.937	29.941.540
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.255.225.751	1.187.670.151
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	838.802.025	895.643.470
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	110.965.534	49.704.194
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	119.365.500	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	273.169.821	303.656.427
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8	(87.077.129)	(61.333.940)
140	III. Hàng tồn kho	10	1.662.374.800	1.556.614.481
141	1. Hàng tồn kho		1.685.120.401	1.558.939.875
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(22.745.601)	(2.325.394)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		93.701.093	74.394.775
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	5.597.295	4.096.291
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	87.817.410	70.012.096
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	286.388	286.388
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.630.741.741	11.168.425.462
210	I. Khoản phải thu dài hạn		220.713	450.117
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	220.713	450.117
220	II. Tài sản cố định		5.247.478.291	5.882.779.284
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.237.921.790	5.872.791.127
222	Nguyên giá		7.437.157.166	7.742.057.487
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.199.235.376)	(1.869.266.360)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	9.556.501	9.988.157
228	Nguyên giá		11.549.834	11.233.990
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.993.333)	(1.245.833)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.888.862.683	4.796.085.068
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	3.888.862.683	4.796.085.068
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	330.666.827	320.033.419
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		330.666.827	320.033.419
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.594.610)	(2.594.610)
260	V. Tài sản dài hạn khác		163.513.227	169.077.574
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	59.359.386	54.991.701
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	104.153.841	114.085.873
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.669.846.322	14.017.046.409

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.635.373.327	8.020.022.982
310	I. Nợ ngắn hạn		7.327.694.807	4.828.423.097
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	297.359.348	550.848.914
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	715.885.589	128.800.234
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	11.175.544	9.326.854
314	4. Phải trả người lao động		47.143.668	41.592.345
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	614.102.838	597.100.799
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	113.563.191	231.557.270
320	7. Vay ngắn hạn	22	5.528.464.629	3.269.196.681
330	II. Nợ dài hạn		2.307.678.520	3.191.599.885
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	261.805.711	362.533.239
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	206.116.917	213.795.862
338	3. Vay dài hạn	22	1.819.755.892	2.595.270.784
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	20.000.000	20.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.034.472.995	5.997.023.427
410	I. Vốn chủ sở hữu	23.1	3.034.472.995	5.997.023.427
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(2.217.695.545)	(2.832.146.815)
421	4. Lỗ lũy kế		(7.003.497.410)	(3.426.495.708)
421a	- Lỗ sau thuế lũy kế đến cuối năm trước		(3.427.047.708)	(2.307.065.397)
421b	- Lỗ sau thuế năm này		(3.576.449.702)	(1.119.430.311)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.669.846.322	14.017.046.409



Nguyễn Văn Tiên
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	741.796.172	1.198.934.872
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(1.712.592.338)	(1.653.257.685)
20	3. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(970.796.166)	(454.322.813)
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	76.505.497	142.294.558
22	5. Chi phí tài chính	27	(333.727.981)	(572.451.137)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(308.451.932)	(303.732.455)
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết	15.1	36.777.967	19.388.990
25	7. Chi phí bán hàng	28	(21.369.122)	(175.496.699)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(95.266.780)	(134.707.366)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.307.876.585)	(1.175.294.467)
31	10. Thu nhập khác	29	130.804.577	5.429.425
32	11. Chi phí khác	29	(2.388.457.926)	(128.937.488)
40	12. Lỗ khác		(2.257.653.349)	(123.508.063)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(3.565.529.934)	(1.298.802.530)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(987.736)	(1.360.256)
52	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	(9.932.032)	180.732.475
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(3.576.449.702)	(1.119.430.311)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	17. Lỗ sau thuế của công ty mẹ	23	(3.576.449.702)	(1.119.430.311)
70	18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	24	(3.226)	(1.010)
71	19. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND)	24	(3.226)	(1.010)



Nguyễn Văn Tiên
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lỗ kế toán trước thuế		(3.565.529.934)	(1.298.802.530)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	522.939.327	465.227.142
03	Dự phòng		46.163.396	49.635.519
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		9.185.247	232.851.893
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		2.268.181.094	(75.244.482)
06	Chi phí lãi vay		308.451.932	306.886.037
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(410.608.938)	(319.446.421)
09	Tăng các khoản phải thu		36.516.543	(208.781.973)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(2.715.810)	158.561.354
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		129.646.594	(740.118.470)
12	Tăng chi phí trả trước		(34.134.421)	(14.921.163)
14	Tiền lãi vay đã trả		(216.411.053)	(461.361.853)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(497.707.085)	(1.586.068.526)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ		(668.194.735)	(472.907.178)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		(557.349)	5.385.978
23	Tiền chi cho đơn vị khác vay		(119.365.500)	-
24	Thu hồi cho vay		-	601.976.054
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty con		-	2.651.644.988
27	Lãi tiền gửi và lãi cho vay		367.483	17.261.979
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(787.750.101)	2.803.361.821

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	22	3.482.336.692	3.684.399.226
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(2.199.018.109)	(4.898.457.390)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		1.283.318.583	(1.214.058.164)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.138.603)	3.235.131
60	Tiền đầu năm		29.941.540	26.706.409
70	Tiền cuối năm	5	27.802.937	29.941.540



Nguyễn Văn Tiên
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại SGDCKHCM theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là trồng và kinh doanh trái cây, cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.700 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.311).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Công ty con				
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào")	Nông nghiệp	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HA Attapeu")	Nông nghiệp và xây dựng	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri ("HA Rattanakiri")	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(4) Công ty TNHH Heng Brothers ("Heng Brothers")	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav ("HA Oyadav")	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(6) Công ty TNHH CRD ("CRD")	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(7) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai ("XNK HAGL")	Thương mại	Gia Lai, Việt Nam	Đang chờ giải thể	100
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar")	Nông nghiệp	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 3.576.449.702 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 7.003.497.410 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.288.590.226 ngàn VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 22.4 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Nhóm Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("THACO"), qua đó, THACO đã và sẽ tiếp tục hỗ trợ Nhóm Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Nhóm Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 1 năm 2023, Nhóm Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THAGRICO"), qua đó, THAGRICO hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Nhóm Công ty.

Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- mThành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	10 năm
Cây trồng lâu năm	10 - 25 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	10 năm
Tài sản khác	10 - 15 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các loại cây trồng lâu năm

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)			
	Vườn cây cao su (i)	Vườn cây chuối (ii)	Vườn mít (iii)	Vườn xoài (iv)
Năm thứ 1	2,50	10,00	0,80	0,30
Năm thứ 2	2,80	10,00	1,80	1,00
Năm thứ 3	3,50	10,00	4,10	2,20
Năm thứ 4	4,40	10,00	5,80	4,30
Năm thứ 5	4,80	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 6	5,40	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 7	5,40	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 8	5,10	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 9	5,10	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 10	5,00	Giá trị còn lại	5,80	5,80
Năm thứ 11	7,00		5,80	5,80
Năm thứ 12	6,60		5,80	5,80
Năm thứ 13	6,20		5,80	5,80
Năm thứ 14	5,90		5,80	5,80
Năm thứ 15	5,50		5,80	5,80
Năm thứ 16	5,40		4,70	5,80
Năm thứ 17	5,00		4,70	5,80
Năm thứ 18	5,50		4,70	5,80
Năm thứ 19	5,20		4,70	5,80
Năm thứ 20	Giá trị còn lại		Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

Vườn cây cao su

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ cây đủ tiêu chuẩn cạo mủ (chu vi thân cây đo cách mặt đất 1m đạt từ 45cm trở lên và độ dày vỏ ở độ cao 1m cách mặt đất đạt từ 6mm trở lên) đạt trên 70% số cây còn sống trong lô.

Vườn cây ăn trái

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các loại cây trồng lâu năm (tiếp theo)

- (i) Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác hai mươi (20) năm.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (iii) Khấu hao đối với vườn mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.
- (iv) Khấu hao đối với vườn xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- (v) Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Tổng Giám đốc.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu và các vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát triển vườn cây ngắn ngày. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã thực hiện thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán sử dụng bởi các công ty con có trụ sở kinh doanh tại Lào bao gồm HA Attapeu và HAQM Lào từ đồng LAK sang đồng USD áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 theo Quyết định phê duyệt số 3292/TC và số 3293/TC của Bộ Tài Chính Lào đề ngày 21 tháng 10 năm 2022. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty đã quy đổi các báo cáo tài chính của các công ty con sử dụng đồng tiền kế toán bằng USD và KHR theo các tỷ giá như sau:

- USD/VND: tỷ giá tài sản: 23.405; tỷ giá nợ phải trả: 23.685; và
- KHR/VND: tỷ giá tài sản: 5,65; tỷ giá nợ phải trả: 5,96 (31 tháng 12 năm 2021: tỷ giá tài sản: 5,46; tỷ giá nợ phải trả: 5,97).

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.2 Xóa sổ vườn cây tại các công ty con có trụ sở kinh doanh tại Lào và Campuchia

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã thực hiện xóa sổ một phần diện tích vườn cây với tổng chi phí là VND 2.141.720.758 và được ghi nhận vào chi phí khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Thuyết minh số 29*).

5. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	9.543.733	2.775.034
Tiền gửi ngân hàng	18.259.204	24.797.421
Tiền đang chuyển	-	2.369.085
TỔNG CỘNG	27.802.937	29.941.540

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ hoạt động xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào (i)	733.940.875	729.579.626
Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.861.150	166.063.844
- Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng")	24.541.653	24.541.653
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	20.373.151	19.742.067
- THAGRICO	-	42.753.287
- Các khách hàng khác	59.946.346	79.026.837
TỔNG CỘNG	838.802.025	895.643.470
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(63.812.369)	(44.233.627)
GIÁ TRỊ THUẦN	774.989.656	851.409.843
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên liên quan (TM số 31)	629.381	47.876.044
Phải thu bên khác	774.360.275	803.533.799

(i) Khoản phải thu Chính phủ Lào thể hiện khoản phải thu xây dựng sân bay quốc tế Attapeu và sân bay quốc tế Nongkhang tại Lào. Khoản phải thu này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	44.233.627	16.368.434
Dự phòng trích lập trong năm	20.784.961	41.743.636
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.206.219)	(10.289.074)
Thanh lý công ty con	-	(3.589.369)
Số cuối năm	<u>63.812.369</u>	<u>44.233.627</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	30.144.257	42.936.831
- THAGRICO	22.627.027	39.013.212
- Khác	7.517.230	3.923.619
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	80.821.277	6.767.363
TỔNG CỘNG	110.965.534	49.704.194
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	(2.252.760)	(2.391.913)
GIÁ TRỊ THUẦN	108.712.774	47.312.281
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho các bên liên quan (TM số 31)</i>	24.554.199	39.412.221
<i>Trả trước cho các bên khác</i>	84.158.575	7.900.060

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	273.169.821	303.656.427
Cho mượn các công ty	205.078.864	273.584.114
Phải thu cổ tức	26.144.558	-
Tạm ứng cho nhân viên	9.669.950	7.367.477
Khác	32.276.449	22.704.836
Dài hạn	220.713	450.117
Ký quỹ dài hạn	220.713	211.111
Khác	-	239.006
TỔNG CỘNG	273.390.534	304.106.544
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn	(21.012.000)	(14.708.400)
GIÁ TRỊ THUẦN	252.378.534	289.398.144
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (TM số 31)</i>		
- Ngắn hạn	228.480.761	273.677.840
- Dài hạn	-	239.007
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	23.897.773	15.481.297

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng sân bay quốc tế Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Khoản vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả mà Nhóm Công ty phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai.

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.357.094.568	1.202.159.353
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng (i)</i>	882.075.702	750.115.168
<i>Hoạt động sản xuất, trồng trọt (ii)</i>	475.018.866	452.044.185
Nguyên vật liệu	238.223.795	267.513.760
Thành phẩm	46.254.525	41.500.177
Công cụ, dụng cụ	25.057.803	22.696.785
Hàng hóa	18.489.710	25.069.800
TỔNG CỘNG	1.685.120.401	1.558.939.875
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.745.601)	(2.325.394)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.662.374.800	1.556.614.481

- (i) Số tiền này chủ yếu thể hiện khoản chi phí xây dựng sân bay dở dang theo Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào số No.LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty đã nhận được Quyết định số 15529/GTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Chính phủ Lào về việc cho phép gia hạn thời gian để hoàn tất Hợp đồng xây dựng dự án sân bay Nongkhang để bàn giao đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2023.
- (ii) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 22).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.325.394	75.146.986
Dự phòng trích lập trong năm	20.941.770	521.563
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(521.563)	(73.343.155)
Số cuối năm	22.745.601	2.325.394

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Cây trồng lâu năm	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	5.685.218.545	981.927.997	831.277.211	234.449.259	3.071.174	6.113.301	7.742.057.487
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	564.344.901	1.901.914	959.541	1.951.656	-	125.523	569.283.535
Mua mới	-	3.015.357	133.748	21.034.779	-	-	24.183.884
Thanh lý	-	(2.261.603)	-	(1.186.206)	-	-	(3.447.809)
Xóa sổ	(1.314.127.756)	(7.671.071)	-	(288.697)	-	-	(1.322.087.524)
Chênh lệch tỷ giá (*)	307.476.800	58.009.350	48.153.170	13.154.443	6.311	367.519	427.167.593
Số cuối năm	5.242.912.490	1.034.921.944	880.523.670	269.115.234	3.077.485	6.606.343	7.437.157.166
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	-	127.126.171	24.033.981	125.892.474	350.916	2.462.402	279.865.944
Khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(1.058.300.162)	(390.987.340)	(290.210.206)	(124.588.369)	(1.551.436)	(3.628.847)	(1.869.266.360)
Khấu hao trong năm	(383.324.978)	(68.424.884)	(49.987.183)	(19.376.058)	(553.084)	(525.640)	(522.191.827)
Thanh lý	-	201.928	-	111.246	-	-	313.174
Xóa sổ	288.839.892	7.671.073	-	288.697	-	-	296.799.662
Chênh lệch tỷ giá (*)	(58.894.922)	(22.548.273)	(16.616.212)	(6.609.209)	(3.261)	(218.148)	(104.890.025)
Số cuối năm	(1.211.680.170)	(474.087.496)	(356.813.601)	(150.173.693)	(2.107.781)	(4.372.635)	(2.199.235.376)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	4.626.918.383	590.940.657	541.067.005	109.860.890	1.519.738	2.484.454	5.872.791.127
Số cuối năm	4.031.232.320	560.834.448	523.710.069	118.941.541	969.704	2.233.708	5.237.921.790

Trong đó:

Thế chấp để đảm bảo cho
các khoản vay (TM số 22)

4.031.232.320 560.834.448 523.710.069 118.941.541 969.704 2.233.708 5.237.921.790

(*) Số tiền thể hiện chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi báo cáo tài chính của các công ty con tại nước ngoài khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			Ngàn VND
	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.253.990	5.980.000	11.233.990
Chênh lệch tỷ giá	315.844	-	315.844
Số cuối năm	5.569.834	5.980.000	11.549.834
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	(1.245.833)	(1.245.833)
Hao mòn trong năm	-	(747.500)	(747.500)
Số cuối năm	-	(1.993.333)	(1.993.333)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.253.990	4.734.167	9.988.157
Số cuối năm	5.569.834	3.986.667	9.556.501

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái (*)	2.168.318.034	2.113.541.668
Chi phí phát triển vườn cây cao su và cọ dầu (*)	1.148.997.995	2.409.508.731
Nhà cửa và vật kiến trúc (*)	233.479.056	95.915.240
Xây dựng nhà máy sản xuất cọ dầu (*)	179.414.816	169.240.872
Các công trình khác	158.652.782	7.878.557
TỔNG CỘNG	3.888.862.683	4.796.085.068

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (TM số 22).

Tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.796.085.068	8.082.842.476
Mua mới	487.138.576	203.601.436
Chênh lệch tỷ giá	305.966.631	(644.955.677)
Chi phí lãi vay được vốn hóa	72.366.233	78.057.027
Thanh lý công ty con	-	(2.690.612.327)
Kết chuyển tài sản cố định hữu hình	(569.283.535)	(426.337.313)
Xoá sổ vườn cây	(1.233.849.976)	-
Khác	30.439.686	193.489.446
Số cuối năm	3.888.862.683	4.796.085.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng trị giá là 72.366.233 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 78.057.027 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay để tài trợ vốn cho việc phát triển vườn cây cao su và cây ăn trái.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
		<i>Ngàn VND</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 15.1)	330.666.827	320.033.419
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 15.2)	<u>2.594.610</u>	<u>2.594.610</u>
TỔNG CỘNG	333.261.437	322.628.029
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(2.594.610)</u>	<u>(2.594.610)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>330.666.827</u>	<u>320.033.419</u>

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND
Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	<u>330.666.827</u>	49,14	<u>320.033.419</u>

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Bidiphar</i>
Giá trị đầu tư	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>286.004.636</u>
Phân lãi lũy kế sau khi đầu tư	
Số đầu năm	34.028.783
Phân lãi từ công ty liên kết được chia trong năm	36.777.967
Cổ tức được chia trong năm	<u>(26.144.559)</u>
Số cuối năm	<u>44.662.191</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>320.033.419</u>
Số cuối năm	<u>330.666.827</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số đầu năm và Số cuối năm		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	(2.594.610)

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.597.295	4.096.291
Công cụ, dụng cụ	4.716.059	2.415.162
Chi phí khác	881.236	1.681.129
Dài hạn	59.359.386	54.991.701
Chi phí khai hoang	35.480.127	34.452.539
Công cụ, dụng cụ	17.986.679	13.275.927
Tiền thuê đất	-	1.029.600
Chi phí khác	5.892.580	6.233.635
TỔNG CỘNG	64.956.681	59.087.992

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	272.689.909	511.895.248
- THAGRICO	112.713.913	205.532.754
- Công ty TNHH Phân Phối Thaco Auto	24.300.000	-
- Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai	21.720.834	73.889.700
- Công ty Cổ phần Lapacco	11.614.016	48.581.292
- Khác	102.341.146	183.891.502
Phải trả nhà thầu xây dựng	10.508.955	3.914.277
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	2.441.156	35.039.389
Phải trả khác	11.719.328	-
TỔNG CỘNG	297.359.348	550.848.914
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan (TM số 31)	191.718.831	297.856.878
Phải trả các bên khác	105.640.517	252.992.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	692.695.532	110.665.287
- THAGRICO	669.793.292	71.857.177
- Sommai Saysetha	22.809.849	33.174.316
- Khác	92.391	5.633.794
Khác	23.190.057	18.134.947
TỔNG CỘNG	715.885.589	128.800.234
<i>Trong đó:</i>		
Các bên liên quan trả tiền trước (TM số 31)	669.793.293	71.857.177
Các bên khác trả tiền trước	46.092.296	56.943.057

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	70.012.096	66.098.667	(48.293.353)	87.817.410
Thuế khác	286.388	152.768	(152.768)	286.388
TỔNG CỘNG	70.298.484	66.251.435	(48.446.121)	88.103.798
Phải nộp:				
Thuế TNDN (TM số 30.1)	8.058.587	1.457.630	-	9.516.217
Thuế thu nhập cá nhân	563.844	2.796.492	(2.912.420)	447.916
Thuế khác	704.423	5.801.164	(5.294.176)	1.211.411
TỔNG CỘNG	9.326.854	10.055.286	(8.206.596)	11.175.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	614.102.838	597.100.799
Chi phí lãi vay	576.224.704	400.778.541
Chi phí hoạt động	29.936.547	184.235.007
Chi phí khác	7.941.587	12.087.251
Dài hạn	261.805.711	362.533.239
Chi phí lãi vay	261.805.711	362.533.239
TỔNG CỘNG	875.908.549	959.634.038
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 31)</i>		
- Ngắn hạn	98.699.961	15.484.556
- Dài hạn	67.560.975	13.183.329
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>709.647.613</i>	<i>930.966.153</i>

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	113.563.191	231.557.270
Phải trả tiền thuê đất	82.220.777	61.589.759
Phải trả tiền mượn công ty (*)	9.573.048	150.774.975
Phải trả ngắn hạn khác	21.769.366	19.192.536
Dài hạn	206.116.917	213.795.862
Phải trả tiền thuê đất	138.055.417	131.522.095
Phải trả tiền mượn công ty (*)	67.446.878	82.273.767
Nhận ký quỹ	614.622	-
TỔNG CỘNG	319.680.108	445.353.132
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 31)</i>		
- Ngắn hạn	10.101.055	143.765.820
- Dài hạn	9.163.143	18.886.549
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>300.415.910</i>	<i>282.700.763</i>

(*) Các số dư này trình bày các khoản tiền mượn tín chấp, không lãi suất nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	5.528.464.629	3.269.196.681
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (<i>TM số 22.3 và 31</i>)	2.718.052.480	1.351.784.994
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (<i>TM số 22.4</i>)	1.898.428.987	780.000.842
Vay ngắn hạn ngân hàng (<i>TM số 22.1</i>)	599.542.640	1.095.586.882
Vay ngắn hạn bên liên quan (<i>TM số 22.2 và 31</i>)	312.440.522	41.823.963
Dài hạn	1.819.755.892	2.595.270.784
Vay dài hạn ngân hàng (<i>TM số 22.4</i>)	219.859.404	1.396.864.433
Vay dài hạn bên liên quan (<i>TM số 22.3 và 31</i>)	1.599.896.488	1.198.406.351
TỔNG CỘNG	<u>7.348.220.521</u>	<u>5.864.467.465</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>Vay dài hạn</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	3.269.196.681	2.595.270.784	5.864.467.465
Tiền thu từ đi vay	1.112.992.722	2.369.343.970	3.482.336.692
Vay dài hạn đến hạn trả	3.181.994.837	(3.181.994.837)	-
Chênh lệch tỷ giá	28.852.869	44.658.061	73.510.930
Cấn trừ công nợ	112.445.629	14.477.914	126.923.543
Tiền chi trả nợ gốc vay	<u>(2.177.018.109)</u>	<u>(22.000.000)</u>	<u>(2.199.018.109)</u>
Số cuối năm	<u>5.528.464.629</u>	<u>1.819.755.892</u>	<u>7.348.220.521</u>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết của khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội	599.542.640	Từ ngày 13 tháng 1 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023	Lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TPBank + 2,35%/năm (2022: 9,50 - 12,50%)	- Tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT, đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tổ nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, diện tích 925 ha; - Quyền khai thác, tài sản gắn liền 453,7 ha đất trồng trái cây tại Bản Huội Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào và quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng, công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT; và - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 295,7 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay, công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Nhóm Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
THAGRICO	<u>312.440.522</u>	Từ ngày 1 tháng 4 năm 2023 đến ngày 23 tháng 5 năm 2023	6,50 - 8,50

22.3 Vay dài hạn bên liên quan

Nhóm Công ty vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
THAGRICO	2.804.396.451	Từ ngày 16 tháng 5 năm 2023 đến ngày 30 tháng 12 năm 2024	7,50 - 14,50
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG") (*)	<u>1.513.552.517</u>	Từ ngày 30 tháng 4 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2024	0,00
TỔNG CỘNG	<u>4.317.948.968</u>		

Trong đó:

Vay dài hạn	1.599.896.488
Vay dài hạn đến hạn trả	2.718.052.480

(*) Thời hạn thanh toán của khoản vay này đã được thay đổi theo thỏa thuận cam kết giữa 3 bên gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), HAG và Công ty ngày 24 tháng 8 năm 2022.

22.4 Vay dài hạn ngân hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm	Ngàn VND Mục đích vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.189.474.248	1.237.192.230	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("LaoVietBank")	705.729.538	690.338.457	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu, nuôi bò
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	223.084.605	249.334.588	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu và bổ sung vốn lưu động
TỔNG CỘNG	<u>2.118.288.391</u>	<u>2.176.865.275</u>	
Trong đó:			
Vay dài hạn	219.859.404	1.396.864.433	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.898.428.987	780.000.842	

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tại sân thể chấp (TM số 10, 11 và 13)
BIDV, Chi nhánh Gia Lai (*)	737.760.181	31.148.836	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Lãi suất tiết kiệm của BIDV bằng USD hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70%/năm (2022: 7,20%)	- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất bao gồm vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu.
BIDV, Chi nhánh Bình Định (*) (**)	451.714.067	19.071.736	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD Kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 2,00%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (2022: 6,70%)	- 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại Số 6, Đường Hoàng Văn Thu, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; - Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; - Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m ² thuộc sở hữu của HAG; và - Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu.

TỔNG CỘNG **1.189.474.248**

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả **1.189.474.248**

(*) Thời hạn thanh toán của các khoản vay này đã được thay đổi theo thỏa thuận cam kết giữa 3 bên gồm BIDV, HAG và Công ty ngày 24 tháng 8 năm 2022.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, diện tích cao su HA Attapeu thực tế trồng là 17.131 ha, đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 17.950 ha. Bên cạnh đó, Nhóm công ty đã xóa sổ diện tích cọ dầu, theo đó diện tích cọ dầu đang thấp hơn diện tích 3.155,79 ha theo quy định của Hợp đồng Tín dụng này. Ngoài ra, Nhóm công ty chưa mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo theo như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)	
	Ngân VND	Ngân LAK				USD
<i>Lao VietBank, Chi nhánh Attapeu</i>						
Khoản vay 1 (i)	293.013.743	-	12.371.279	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2020 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	9,00	- Trụ sở làm việc của HA Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008 với diện tích đất 0,3 ha; - Nhà máy chế biến mù cưa su tại Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò (14.219 con) nhập khẩu thuộc sở hữu của HA Attapeu; và - Đàn bò nhập về thuộc sở hữu của HA Attapeu.
Khoản vay 2 (ii)	211.511.716	32.177.000	7.062.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	LAK: 10,50 USD: 9,00	Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu và toàn bộ các công trình hỗ trợ tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu.

(i) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã bán toàn bộ số bò và chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 293.013.742 ngàn VND. Tại ngày này, Nhóm Công ty đang trong quá trình làm việc với LaoVietBank để cơ cấu khoản vay này với lịch thanh toán mới từ năm 2023 đến năm 2028.

(ii) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã xóa sổ toàn bộ diện tích cọ dầu, theo đó diện tích cọ dầu đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 3.155,79 ha. Ngoài ra, thời hạn thanh toán của khoản vay này đã được thay đổi theo thỏa thuận cam kết giữa 3 bên gồm BIDV, HAG và Công ty ngày 24 tháng 8 năm 2022.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp
					Ngàn VND
<i>LaoVietBank, Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)</i>					
Khoản vay 3 (iii)	172.426.804	7.280.000	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2021 đến ngày 3 tháng 10 năm 2024	9,00	Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của HA Quang Minh với tổng diện tích 1.313,89 ha và quyền khai thác 749,5 ha cây ăn trái.
Khoản vay 4 (iv)	28.777.275	1.215.000	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 đến ngày 25 tháng 11 năm 2020	9,00	Tất cả các dụng cụ xây dựng và vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cò dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu của HA Attapeu.

TỔNG CỘNG **705.729.538**

Trong đó:

Vay dài hạn 49.264.799

Vay dài hạn đến hạn trả 656.464.739

(iii) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 73.897.200 ngàn VND. Tại ngày này, Nhóm Công ty đang trong quá trình làm việc với LaoVietBank để cơ cấu khoản vay này với lịch thanh toán mới từ năm 2023 đến năm 2028.

(iv) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 28.777.275 ngàn VND. Tại ngày này, Nhóm Công ty đang trong quá trình làm việc với LaoVietBank để cơ cấu khoản vay này với lịch thanh toán mới trong năm 2023.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn	<u>223.084.605</u>	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2023 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank hạn 13 tháng lãi trả sau + 2,00%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (2022: 8,95%)	23,2 triệu cổ phiếu HAG sở hữu bởi Ông Đoàn Nguyễn Đức và 14,5 triệu cổ phiếu HAQM Việt Nam sở hữu bởi THAGRICO.
Trong đó:				
Vay dài hạn	170.594.605			
Vay dài hạn đến hạn trả	52.490.000			

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lỗ lũy kế	Cổ đông không kiểm soát	Ngân VND
Năm trước						
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(1.269.791.027)	(2.306.105.397)	250.101	8.680.019.627
Lỗ trong năm	-	-	-	(1.119.430.311)	-	(1.119.430.311)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*)	-	-	(1.562.355.788)	-	-	(1.562.355.788)
Thanh lý công ty	-	-	-	-	(250.101)	(250.101)
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(960.000)	-	(960.000)
Số cuối năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(2.832.146.815)	(3.426.495.708)	-	5.997.023.427
Năm nay						
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(2.832.146.815)	(3.426.495.708)	-	5.997.023.427
Lỗ trong năm	-	-	-	(3.576.449.702)	-	(3.576.449.702)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*)	-	-	614.451.270	-	-	614.451.270
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(552.000)	-	(552.000)
Số cuối năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(2.217.695.545)	(7.003.497.410)	-	3.034.472.995

(*) Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi báo cáo tài chính của các công ty con tại nước ngoài khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm và số cuối năm	<u>11.085.538.950</u>	<u>11.085.538.950</u>

23.3 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lỗ cơ bản và lỗ suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lỗ sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (<i>ngàn VND</i>)	(3.576.449.702)	(1.119.430.311)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (<i>cổ phiếu</i>)	1.108.553.895	1.108.553.895
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh do các yếu tố suy giảm	<u>1.108.553.895</u>	<u>1.108.553.895</u>
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (<i>VND</i>)	(3.226)	(1.010)
Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (<i>VND</i>)	(3.226)	(1.010)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu bán trái cây	493.497.170	840.430.521
Doanh thu bán mủ cao su	233.576.623	260.020.302
Doanh thu bán hàng hóa	10.666.007	45.966.202
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	4.056.372	52.517.847
DOANH THU THUẦN	741.796.172	1.198.934.872
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	659.000.792	475.490.882
<i>Doanh thu thuần với các bên khác</i>	82.795.380	723.443.990

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	76.377.020	47.673.816
Lãi tiền cho vay và tiền gửi ngân hàng	128.477	33.672.043
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	60.948.699
TỔNG CỘNG	76.505.497	142.294.558

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn trái cây đã bán	1.409.300.162	1.312.089.132
Giá vốn mủ cao su đã bán	293.261.051	280.923.714
Giá vốn hàng hóa	5.199.870	25.631.721
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.831.255	34.613.118
TỔNG CỘNG	1.712.592.338	1.653.257.685

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí lãi vay	308.451.932	303.732.455
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.457.985	249.116.350
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	2.594.610
Khác	14.818.064	17.007.722
TỔNG CỘNG	333.727.981	572.451.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	21.369.122	175.496.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.393.432	4.934.389
Chi phí vận chuyển	6.746.102	159.991.506
Chi phí nhân viên	3.827.000	5.867.514
Chi phí khấu hao	67.056	207.937
Khác	335.532	4.495.353
Chi phí quản lý doanh nghiệp	95.266.780	134.707.366
Chi phí nhân viên	40.978.697	32.334.663
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	26.591.348	51.808.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.894.459	17.408.468
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.496.800	4.603.997
Khác	4.305.476	28.551.523
TỔNG CỘNG	116.635.902	310.204.065

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	130.804.577	5.429.425
Hoàn nhập dự phòng	123.376.876	-
Khác	7.427.701	5.429.425
Chi phí khác	2.388.457.926	128.937.488
Chi phí xóa sổ vườn cây	2.141.720.758	-
Chi phí xóa sổ tài sản không hiệu quả	159.746.605	97.063.447
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	16.634.357	14.542.048
Khác	70.356.206	17.331.993
TỔNG CỘNG	(2.257.653.349)	(123.508.063)

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2021: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con của Công ty tại Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	987.736	1.360.256
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	9.932.032	(180.732.475)
TỔNG CỘNG	10.919.768	(179.372.219)

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ kế toán trước thuế	(3.565.529.934)	(1.298.802.530)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	3.792.765.856	1.275.335.585
Chênh lệch lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	(80.802.556)	274.503.962
Các khoản chi phí không được trừ	66.801.581	62.587.408
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	(4.470.218)	24.324.938
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(9.909.438)	4.158.395
Lãi (lỗ) từ thanh lý các khoản đầu tư loại trừ ở khía cạnh hợp nhất	-	(318.853.782)
Lãi từ công ty liên kết	(36.777.967)	(19.388.990)
Lỗ được chuyển từ các năm trước	(46.819.044)	(6.242.440)
Lợi nhuận từ hoạt động được miễn thuế	4.938.679	-
Các khoản khác	(115.258.281)	9.178.733
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	4.938.678	6.801.279
Thuế TNDN hiện hành ước tính	987.736	1.360.256
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	987.736	1.360.256
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	8.058.587	21.249.238
Thanh lý công ty con	-	(12.621.115)
Các khoản khác	469.894	(1.929.792)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	9.516.217	8.058.587

30.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm thể hiện như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chênh lệch lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	51.076.271	61.943.176	(10.866.905)	61.943.176
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	53.077.570	52.142.697	934.873	(2.281.434)
TỔNG CỘNG	104.153.841	114.085.873	(9.932.032)	59.661.742
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Dự phòng khoản đầu tư vào công ty con	(20.000.000)	(20.000.000)	-	121.070.733
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(9.932.032)	180.732.475

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("THACO")	Cổ đông lớn, Công ty có cùng thành viên HĐQT
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Giao Nhận Vận Chuyển Quốc Tế Trường Hải ("THILOGI")	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh ("DQM")	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
HAG	Cổ đông lớn, Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico ("Daun Penh")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas ("HA Andong Meas")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Cao su Hoàng Anh Quang Minh ("HAQM Việt Nam")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	2.578.143.970	2.131.420.615
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	657.568.218	465.619.768
		Mua vật tư, hàng hóa và dịch vụ	742.097.338	586.247.197
		Lãi vay	137.985.954	70.650.353
		Bù trừ nợ gốc vay	112.445.629	3.789.813.271
		Trả gốc vay	72.629.070	2.965.460.727
		Mua tài sản	25.373.831	-
		Thu tiền chuyển nhượng công ty con	-	2.651.644.988
		Chuyển nhượng công ty con	-	4.149.882.400
		HAG	Cổ đông lớn	Trả gốc vay
Cần trừ công nợ	-			48.215.005
Cần trừ nợ gốc vay	3.578.369			6.011.541
THILOGI	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	15.169.643	149.651.298
		Vay	8.200.000	161.810.629
		Trả gốc vay	8.200.000	49.365.000
		Lãi vay	121.726	5.233.154
		Cần trừ nợ gốc vay	-	112.445.629
Thaco Chu Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa, dịch vụ	55.233.091	-
		Mua công cụ, dụng cụ	-	77.830.647
HA Lumphat	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	3.004.820	6.774.801
		Cho mượn vật tư	9.476.236	3.957.650
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	5.105.496
		Thu gốc cho vay	-	431.577.294
		Lãi cho vay	-	24.200.651
Bình Phước Kratie	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn vật tư	707.887	16.803.032
		Mượn vật tư	1.201.647	-
HA Đắc Lắc	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	-	251.607.120
An Đông Mía Việt Nam	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Thu gốc cho vay	-	154.759.772
		Thu lãi cho vay	-	16.348.205
		Lãi cho vay	-	8.458.788
An Đông Mía Campuchia	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn vật tư	18.878.487	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hưng Thắng Lợi	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Thanh lý TSCD và công cụ, dụng cụ Cần trừ công nợ	- 3.578.369	59.512.955 52.109.358

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngàn VND</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)</i>				
Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	69.660	682.790
HA Andong Meas	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cung cấp dịch vụ	498.322	431.628
Daun Penh Agrico	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cung cấp dịch vụ	61.399	-
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	42.753.287
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	3.578.369
Khác	Các bên liên quan	Bán hàng hóa	-	429.970
TỔNG CỘNG			629.381	47.876.044
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)</i>				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Tạm ứng mua hàng hóa	22.627.027	39.013.212
Xây dựng Trường Hải	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Tạm ứng thi công	1.886.862	-
Khác	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	40.310	399.009
TỔNG CỘNG			24.554.199	39.412.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)</i>				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	127.304.338	-
Daun Penh	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn vật tư	39.729.431	5.159.209
Bidiphar	Công ty liên kết	Cổ tức	26.144.558	-
HA Andong Meas	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	18.367.623	195.894.200
		Cho mượn	-	12.624.537
HA Lumphat	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn	9.147.194	41.435.629
Bình Phước Kratie	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn vật tư	442.207	15.888.212
Khác	Các bên liên quan	Khác	7.345.410	2.676.053
TỔNG CỘNG			<u>228.480.761</u>	<u>273.677.840</u>
<i>Phải thu dài hạn khác (TM số 8)</i>				
HA Andong Meas	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn	-	-
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay		239.007
TỔNG CỘNG			<u>-</u>	<u>239.007</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn ((TM số 17)</i>				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua vật tư và dịch vụ	112.713.912	205.532.754
Du lịch Chu Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	24.300.000	-
Cơ khí Chu Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua vật tư và dịch vụ	21.720.834	73.889.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo) (TM số 17)</i>				
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Thaco Chu Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	20.066.276	-
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nội thất Ô tô Thaco	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	5.112.395	-
Bus Trường Hải	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.963.100	2.963.100
THILOGI	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	2.601.222	8.717.584
Nông nghiệp Thilogi	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	1.462.740	4.695.790
Khác	Các bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	778.352	2.057.950
TỔNG CỘNG			191.718.831	297.856.878
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 18)</i>				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Ứng tiền mua trái cây	669.793.293	71.857.177
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 20)</i>				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay Mua hàng	98.571.561 128.400	14.401.614 128.400
THILOGI	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	-	954.542
TỔNG CỘNG			98.699.961	15.484.556
<i>Chi phí phải trả dài hạn (TM số 20)</i>				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay	57.094.890	3.278.882
HAG	Cổ đông lớn	Lãi vay	10.466.085	9.904.447
TỔNG CỘNG			67.560.975	13.183.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 21)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cán trừ công nợ Nhờ chi hộ	6.039.514 -	131.156.340 5.620.555
Daun Penh	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn vật tư	2.241.995	349.498
HA Lumphat	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn vật tư, tiền	764.040	917.484
HA Andong Meas	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn vật tư	156.239	1.721.851
Khác	Các bên liên quan	Khác	899.267	4.000.092
TỔNG CỘNG			10.101.055	143.765.820
Phải trả dài hạn khác (TM số 21)				
Cơ khí Chu Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền	7.291.021	1.029.311
HAG	Cổ đông lớn	Mượn tiền	-	17.087.335
Khác	Các bên liên quan	Khác	1.872.122	769.903
TỔNG CỘNG			9.163.143	18.886.549
Vay ngắn hạn (TM số 22.2 và TM số 22.3)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	2.530.493.002	1.351.784.994
HAG	Cổ đông lớn	Vay	500.000.000	41.823.963
TỔNG CỘNG			3.030.493.002	1.393.608.957
Vay dài hạn (TM số 22.3)				
HAG	Cổ đông lớn	Vay	1.013.552.517	741.353.851
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	586.343.971	457.052.500
TỔNG CỘNG			1.599.896.488	1.198.406.351

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập (bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác) cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
<i>Ngàn VND</i>			
HĐQT và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	-	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch	144.000	144.000
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/ Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	-	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	30.000	120.000
Ban Kiểm soát			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	-	-
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	-	-
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	18.000	72.000
TỔNG CỘNG		192.000	336.000

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Đến 1 năm	22.358.632	21.733.705
Từ 1 đến 5 năm	89.434.530	86.934.819
Trên 5 năm	724.233.028	725.724.289
TỔNG CỘNG	836.026.190	834.392.813

33. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Năm nay	Năm trước
Các loại ngoại tệ:		
- LAK	890.359.304	1.163.493.278
- Riels Campuchia (KHR)	578.726.641	23.006.114
- USD	962.223	1.356.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết bảo lãnh

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty đang dùng các quyền thuê đất của Nhóm Công ty để đảm bảo cho khoản trái phiếu của HAG, cổ đông lớn, tại BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Gia Lai, chi tiết như sau:

- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của HAQM Lào;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093,6 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Heng Brothers; và
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của CRD.

Dự phòng bảo hành các dự án xây dựng sân bay

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của hai dự án xây dựng sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu và sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, nước Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào. Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì các dự án chưa được quyết toán hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư.

Theo quy định tại Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Attapeu và Dự án xây dựng Sân bay Nongkhang, thời gian bảo hành sẽ kéo dài trong thời gian một năm kể từ ngày bàn giao các dự án.

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

35.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- ▶ Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su và các loại cây trồng khác; và
- ▶ Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, mua bán và vận chuyển hàng hóa.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

35.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Nông nghiệp	Thương mại và dịch vụ	Loại trừ	Tổng cộng
				Ngân VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	1.100.450.823	98.484.049	-	1.198.934.872
Giữa các bộ phận	555.846.856	552.411.853	(1.108.258.709)	-
Tổng cộng	1.656.297.679	650.895.902	(1.108.258.709)	1.198.934.872
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Kết quả của bộ phận	63.248.469	590.687.427	(1.108.258.709)	(454.322.813)
Chi phí hoạt động				(433.712.128)
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính				(888.034.941)
Doanh thu tài chính				142.294.558
Chi phí tài chính				(572.451.137)
Chia lãi từ công ty liên kết				19.388.990
Lỗ kế toán trước thuế				(1.298.802.530)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.360.256)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại				180.732.475
Lỗ thuần trong năm				(1.119.430.311)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	13.165.906.971	531.106.019		13.697.012.990
Đầu tư vào công ty liên kết	320.033.419	-		320.033.419
Tổng tài sản				14.017.046.409
Nợ phải trả của bộ phận	(7.618.122.877)	(401.900.105)		(8.020.022.982)
Tổng nợ phải trả				(8.020.022.982)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

35.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Nông nghiệp	Thương mại và dịch vụ	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	727.073.793	14.722.379	-	741.796.172
Giữa các bộ phận	209.280.684	692.696.290	(901.976.974)	-
Tổng cộng	936.354.477	707.418.669	(901.976.974)	741.796.172
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Kết quả của bộ phận	(766.206.736)	697.369.053	(901.958.483)	(970.796.166)
Chi phí hoạt động				(2.374.289.251)
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính				(3.345.085.417)
Doanh thu tài chính				76.505.497
Chi phí tài chính				(333.727.981)
Chia lãi trong công ty liên kết				36.777.967
Lỗ kế toán trước thuế				(3.565.529.934)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(987.736)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại				(9.932.032)
Lỗ thuần trong năm				(3.576.449.702)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	10.487.938.366	1.823.438.192		12.311.376.558
Đầu tư vào công ty liên kết	357.606.968	862.796		358.469.764
Tổng tài sản				12.669.846.322
Nợ phải trả của bộ phận	(9.444.400.319)	(190.973.008)		(9.635.373.327)
Tổng nợ phải trả				(9.635.373.327)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

35.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản, công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Ngân VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.107.835.578	52.392.357	38.706.937	1.198.934.872
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	440.645.494	44.230.821	484.876.315
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Các thông tin bộ phận khác	497.700.840	10.492.143.708	2.707.168.442	13.697.012.990
Tài sản bộ phận	320.033.419	-	-	320.033.419
Đầu tư vào công ty liên kết				
Tổng tài sản	817.734.259	10.492.143.708	2.707.168.442	14.017.046.409
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	668.480.093	35.313.898	38.002.181	741.796.172
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	186.190.103	391.627.625	577.817.728
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Các thông tin bộ phận khác	1.676.885.015	8.882.260.963	1.780.033.517	12.339.179.495
Tài sản bộ phận	330.666.827	-	-	330.666.827
Đầu tư vào công ty liên kết				
Tổng tài sản	2.007.551.842	8.882.260.963	1.780.033.517	12.669.846.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

XNK HAGL đã hoàn tất thủ tục giải thể hoạt động của Công ty theo Thông báo giải thể số 589/23 của SKHĐT tỉnh Gia Lai cấp ngày 6 tháng 2 năm 2023.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Văn Tiên
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023